

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 26-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thương

Ông Đặng Kim Dũng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Dung – Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Đặng Thị Đậm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1971 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 83 P, Tổ 7 phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Trương Thị V; có vợ là Nguyễn Thị V và ba con; tiền án: 05 tiền án: Bản án số 12/HS-ST ngày 21/4/1992 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt 5 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân. Bản án số 46 ngày 10/6/1992 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phúc thẩm y án sơ thẩm, Bản án số 58/HS-ST ngày 14/5/1999 của Tòa án nhân dân quận N xử phạt 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Bản án số 66/HS-ST ngày 19/11/2004 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, Bản án số 71/HS-ST ngày 17/12/2009 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, Bản án số 144/HS-ST ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản

(cả 5 bản án trên đều chưa được xóa án tích); tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2018 đến ngày 09/01/2018 chuyển tạm giam, có mặt.

2. **Đỗ Văn D**, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1969 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: Tổ 3 phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ 5, T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Hoàng Thị N; có vợ là Bùi Thị L và hai con; tiền án: 01 tiền án: Bản án số 14/HS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa thi hành án); nhân thân: Bản án số 216/HS-ST ngày 22/8/1986 của Tòa án nhân dân quận L xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bản án số 55/HS-ST ngày 30/4/1988 của Tòa án nhân dân quận L xử phạt 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản của công dân, bản án số 278/HS-ST ngày 28/9/1990 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 10 năm tù về tội Cướp giật tài sản của công dân; Bản án số 386 ngày 12/4/1991 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử y án sơ thẩm, bản án số 36/HS-ST ngày 02/7/2014 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (cả 4 bản án trên đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2018 đến ngày 09/01/2018 chuyển tạm giam, có mặt.

Bị hại: Anh Vũ Anh T, sinh năm 1993, nơi cư trú: Số 9 đường V, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu nên khoảng 02h30' ngày 03/01/2018 **Đỗ Văn D** điều khiển xe mô tô 15L8-0085 đến tìm **Phạm Văn H** rủ đi trộm cắp tài sản, **H** đồng ý. **D** chở **H** đi xem có ai sơ hở thì trộm cắp. Đến 04h37' cùng ngày, cả hai đi đến nhà máy nước **H** thuộc tổ 4 phường H, quận D, Hải Phòng, thấy cổng không khóa, bên trong có nhiều xe mô tô để trong sân, **D** và **H** rủ nhau vào trộm cắp. **H** vào trước, **D** dựng xe mô tô ở ngoài cổng rồi vào sau. **D** phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Gravita màu đỏ, đen BKS: 15B1-23114 dựng gần đó, cả hai đến và cùng dắt xe ra ngoài cổng rồi thay nhau điều khiển xe mô tô của **D** đẩy xe vừa trộm cắp được về nhà **D**. Đến khoảng 09h ngày 03/01/2018, **D** mang xe mô tô đã trộm cắp được đến nhà **Phạm Văn T**, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Tổ 3 phường T, quận H để gửi, trên đường đi **D** đã tháo biển kiểm soát và gương xe vít đi. Ngày 04/01/2018, **D** và **H** đến Công an quận D đầu thú về hành vi trộm cắp của mình.

Bản kết luận định giá tài sản số 02 ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận D, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Gravita trị giá 13.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô Jupiter Gravita màu đỏ đen BKS 15B1-23114 qua xác minh là của anh Vũ Anh T, sinh năm 1993; trú tại: Số 9 đường V, phường V, quận N, Hải Phòng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D đã trả lại cho anh T, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- 01 gương và biển kiểm soát xe 15B1-23114, D khai đã tháo và vứt trên đường đến nhà Phạm Văn T nhưng không nhớ chính xác địa điểm. 01 tuốc nơ vít Phạm Văn H đã vứt đi trên đường từ nhà D về nhà H, H không nhớ chính xác địa điểm. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D không thu hồi được.

- 01 xe máy BKS 15L8-0085 Đỗ Văn D dùng để đi trộm cắp tài sản, sau khi phạm tội, D đã mang bán cho một người đàn ông không quen biết trên đường Nguyễn Văn Linh. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận D không thu hồi được.

Trong vụ án này có Phạm Văn T là người cho D gửi xe, nhưng anh T không biết đây là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Phạm Văn H về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại là anh Vũ Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện quan điểm: Anh đã nhận lại chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt, không còn yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đỗ Văn D với mức án từ 18 đến 24

tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 2 Điều 56 tổng hợp hình phạt với bản án số 14/HS-ST ngày 31/3/2017 Tòa án nhân dân quận K xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn H với mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không phải xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 04h37' ngày 03/01/2018, tại nhà máy nước H thuộc tổ 4 phường H, quận D, Hải Phòng, lợi dụng đêm tối, sơ hở của chủ tài sản, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Vũ Anh T có trị giá là 13.000.000đồng nên hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết định khung: Bị cáo Đỗ Văn D chiếm đoạt tài sản dưới 50.000.000đồng nên chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Phạm Văn H có 04 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "tái

phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Viện kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo theo Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm. Mặc dù các bị cáo rủ nhau đi xem có ai sờ hờ thì trộm cắp tài sản nhưng không có sự bàn bạc, phân công cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Khi quyết định hình phạt cần căn cứ vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong vụ án này, bị cáo D là người khởi xướng và thực hành tích cực nên có vai trò chính và cao nhất trong vụ án. Bị cáo H là người thực hành nên có vai trò thấp hơn bị cáo D.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Phạm Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đỗ Văn D đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều thú về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo D đã tác động với gia đình để mang xe đến nộp lại cho Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] *Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:* Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo D có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và bị cáo đã từng bị xét xử 04 lần về hành vi chiếm đoạt tài sản. Mặt khác bị cáo là người đề xuất, rủ rê, thực hành tích cực cùng với bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo H có hai tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo đã bị xét xử 04 lần về hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự nên hình phạt của bị cáo phải cao hơn hình phạt áp dụng với bị cáo D. Tuy đã bị xét xử nhiều lần nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc xử phạt bị cáo D trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo H trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[10] Ngoài ra bị cáo D còn Bản án số 14/HS-ST ngày 31/3/2017 Tòa án nhân dân quận K xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản đã có hiệu lực pháp luật chưa thi hành án nên phải tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo theo khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] *Về hình phạt bổ sung*: Vì điều kiện kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] *Về vật chứng và trách nhiệm dân sự*: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[13] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 18 (Mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 14/HS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2018.

Căn cứ vào Điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2018.

Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Văn D, Phạm Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đỗ Văn D, Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại: Anh Vũ Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA quận D;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trại tạm giam;
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thùy